

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3331 /2016/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc lĩnh vực
xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng: Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013, số 1300/QĐ-BXD ngày 30/10/2015, số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, số 836/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 và số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 119/TTr-SXD ngày 19/12/2016, ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1036/STP-KSTTHC ngày 07/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung công bố về thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng tại Quyết định số 701/QĐ-

UBND ngày 03/4/2015 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Công TTĐTTP, Công báo TP;
- Các PCVP;
- P.XD, GT&CT;
- Các CV VPUBND TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/12/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng).*

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY
BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (17 TTHC).**

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.	
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp thành phố quyết định việc đầu tư.
II. Lĩnh vực phát triển đô thị.	
1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.
2	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.
3	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.
III. Lĩnh vực nhà ở và công sở	
1	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP.
2	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.
3	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.
4	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
5	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.



6	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
7	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài.
IV. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	
1	Cấp Giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.
2	Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.
3	Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.
V. Lĩnh vực xây dựng	
1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép hoạt động.
3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp thành phố đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG (17 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực xây dựng	
1	Cấp giấy phép xây dựng (Bao gồm: Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư

	<i>trực tiếp nước ngoài.</i>
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
3	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.
4	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (<i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực</i>).
5	Cấp/ cấp lại (<i>trường hợp CCHN hết hạn sử dụng</i>)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (<i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD.
7	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i>).
8	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>trường hợp thiết kế 1 bước</i>) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>).
9	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</i>).

10	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
11	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.
12	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.
II. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	
1	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.
III. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
2	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản <i>do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn).</i>
IV. Lĩnh vực nhà ở và công sở	
1	Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
2	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (6 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực xây dựng	
1	Cấp Giấy phép xây dựng (<i>Bao gồm: Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình</i>) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo

	<i>tôn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.</i>
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.
3	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>).
II. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	
1	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý.
2	Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.
3	Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

